

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả bài thi và cấp Chứng chỉ
Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản khóa VII năm 2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định tổ chức thi và cấp Chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin;

Căn cứ Nghị quyết số 361/NQ-HĐTĐHTTr ngày 29/4/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào; Nghị quyết số 613/NQ-HĐTĐHTTr ngày 18/8/2022 của Hội đồng Trường Đại học Tân Trào sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào; Nghị quyết số 719/NQ-HĐTĐHTTr ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào; Nghị quyết số 851/NQ-HĐTĐHTTr ngày 19/8/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào;

Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-ĐHTTr ngày 31/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào ban hành Quy định tổ chức thi và cấp Chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 600/QĐ-ĐHTTr ngày 08/5/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào thành lập Hội đồng thi Chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản khóa VII năm 2026;

Căn cứ kết quả bài thi Chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản do Ban Chấm thi, Hội đồng thi Chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản khóa VII năm 2026 chấm;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi Chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản Trường Đại học Tân Trào khóa VII năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả bài thi và cấp Chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản cho 158 học viên đã tham gia kỳ thi sát hạch do Hội đồng thi Chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản Trường Đại học Tân Trào khóa VII năm 2026 tổ chức (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các ông (bà) Giám đốc Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp, trưởng các đơn vị và những học viên nói tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Lãnh đạo trường;
- Như điều 2 (t/h);
- Lưu: VT, TT TH-NN-TV và PTNN (Hường).

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Minh Anh Tuấn

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ BÀI THI
VÀ CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
KHÓA VII NĂM 2026**

*(Kèm theo Quyết định số: 652/QĐ-ĐHTTr ngày 20/5/2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)*

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả
					TN	TL	
1	Triệu Thị	Bích	04/12/1986	Tuyên Quang	7.75	5.00	Đạt
2	Đặng Thị	Cảnh	10/12/1986	Tuyên Quang	6.75	5.50	Đạt
3	Hầu A	Câu	10/07/1991	Tuyên Quang	7.50	5.50	Đạt
4	Lý Thị Hà	Chang	06/11/1994	Tuyên Quang	7.75	5.50	Đạt
5	Nông Thị	Chấp	27/11/1981	Tuyên Quang	6.50	5.00	Đạt
6	Trần Thị Bích	Chinh	04/09/1976	Tuyên Quang	8.00	5.50	Đạt
7	Hà Thị	Chuyên	14/5/1995	Tuyên Quang	7.25	5.00	Đạt
8	Triệu Thị	Đài	08/10/1987	Tuyên Quang	7.25	5.00	Đạt
9	Hà Thị Bích	Diệp	08/7/1988	Tuyên Quang	7.50	6.00	Đạt
10	Hà Thị	Đông	15/02/1986	Tuyên Quang	9.00	8.00	Đạt
11	Lý Tài	Đức	12/07/1989	Tuyên Quang	7.00	5.50	Đạt
12	Nguyễn Thị	Dung	15/5/1990	Tuyên Quang	7.75	6.00	Đạt
13	Hoàng Minh	Dương	22/12/1976	Tuyên Quang	8.50	5.00	Đạt
14	Nguyễn Thị	Duyên	14/10/1990	Tuyên Quang	7.00	5.00	Đạt
15	Hoàng Thị	Giang	17/9/1993	Tuyên Quang	7.00	5.00	Đạt
16	Trần Thị	Giang	06/01/1976	Tuyên Quang	6.25	5.00	Đạt
17	Nguyễn Ngọc Thu	Hà	11/09/1974	Tuyên Quang	6.50	5.00	Đạt
18	Hoàng Việt	Hà	10/10/1975	Tuyên Quang	5.25	6.00	Đạt
19	Ma Thị	Hằng	29/08/1994	Tuyên Quang	8.50	8.50	Đạt
20	Nguyễn Hồng	Hạnh	06/3/1995	Tuyên Quang	8.00	6.50	Đạt

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả
					TN	TL	
21	Bùi Thị	Hậu	20/6/1981	Tuyên Quang	7.75	8.50	Đạt
22	Ma Thị	Hiền	20/9/1984	Tuyên Quang	7.50	5.00	Đạt
23	Nguyễn Thanh	Hiền	11/08/1992	Tuyên Quang	7.25	7.00	Đạt
24	Triệu Thị	Hiền	03/01/1995	Tuyên Quang	7.75	5.00	Đạt
25	Triệu Thị Thu	Hòa	25/11/1992	Tuyên Quang	7.25	6.50	Đạt
26	La Thị	Hoàn	13/4/1991	Tuyên Quang	8.75	5.00	Đạt
27	Lê Thị	Huế	20/10/1990	Tuyên Quang	8.5	5.50	Đạt
28	Ma Thị	Huệ	24/01/1984	Tuyên Quang	6.00	5.00	Đạt
29	Hoàng Thị	Huệ	06/9/1986	Tuyên Quang	9.25	5.00	Đạt
30	Nông Thị	Hưng	19/02/1991	Tuyên Quang	6.75	7.00	Đạt
31	Vì Thị	Hương	20/12/1993	Tuyên Quang	7.25	7.00	Đạt
32	Trần Thị Kim	Hương	23/7/1987	Tuyên Quang	8.50	7.00	Đạt
33	Lương Thị Thu	Hường	18/6/1993	Tuyên Quang	6.00	5.00	Đạt
34	Nguyễn Thị	Hường	28/5/1994	Tuyên Quang	8.00	7.50	Đạt
35	Ma Thị	Huyền	08/11/1992	Tuyên Quang	9.00	7.50	Đạt
36	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	05/05/1990	Phú Thọ	8.00	5.50	Đạt
37	Nông Thị	Khuyên	27/4/1992	Tuyên Quang	8.25	5.50	Đạt
38	Chu Thị Thúy	Kiều	02/4/1985	Tuyên Quang	8.00	5.50	Đạt
39	Trần Thanh	Lam	14/08/1993	Tuyên Quang	7.25	7.00	Đạt
40	Lê Thị	Lan	13/10/1973	Tuyên Quang	7.00	5.00	Đạt
41	La Thị	Liền	18/07/1977	Tuyên Quang	7.75	5.50	Đạt
42	Trần Thị	Luận	14/07/1976	Tuyên Quang	8.25	9.50	Đạt
43	Lý Thị Trà	My	13/10/1993	Tuyên Quang	9.25	9.00	Đạt
44	Lý Thị Thùy	Nga	02/6/1996	Yên Bái	8.75	5.50	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả
				TN	TL	
45	Ma Thị Nghĩa	22/6/1990	Tuyên Quang	8.75	9.00	Đạt
46	Ma Thị Minh Ngọc	11/6/1990	Tuyên Quang	9.00	8.50	Đạt
47	Nguyễn Thị Ngọc	18/5/1990	Tuyên Quang	7.50	5.50	Đạt
48	Nguyễn Thị Nhung	03/4/1990	Tuyên Quang	8.75	5.00	Đạt
49	Nông Thị Oanh	10/8/1993	Tuyên Quang	6.00	9.00	Đạt
50	Đình Kim Oanh	01/11/1975	Tuyên Quang	7.25	5.00	Đạt
51	Hà Thị Phin	16/8/1989	Tuyên Quang	8.75	6.50	Đạt
52	Nguyễn Hồng Phong	12/12/1970	Tuyên Quang	8.00	5.00	Đạt
53	Bùi Thanh Phương	02/8/1983	Tuyên Quang	8.75	6.50	Đạt
54	Nguyễn Minh Phương	01/12/1992	Tuyên Quang	8.00	5.50	Đạt
55	Bùi Thị Phương	28/10/1983	Tuyên Quang	9.50	7.50	Đạt
56	La Thị Quế	14/09/1991	Tuyên Quang	8.75	5.50	Đạt
57	Lý Thị Quỳnh	10/5/1988	Tuyên Quang	5.00	5.00	Đạt
58	Nguyễn Văn Sang	17/08/1992	Tuyên Quang	5.00	8.50	Đạt
59	Nông Thị Thu Thắm	19/04/1993	Tuyên Quang	5.75	5.00	Đạt
60	Hà Văn Thận	03/12/1970	Tuyên Quang	7.25	5.00	Đạt
61	Trần Thị Thanh	15/10/1992	Tuyên Quang	8.75	7.00	Đạt
62	Triệu Văn Thanh	08/07/1972	Tuyên Quang	7.00	5.00	Đạt
63	Ma Thị Thao	12/7/1993	Tuyên Quang	9.00	8.50	Đạt
64	Vi Văn Thời	08/09/1973	Tuyên Quang	8.00	5.50	Đạt
65	Ma Thị Thu	12/04/1992	Tuyên Quang	8.75	9.00	Đạt
66	Hoàng Thị Thu	25/06/1974	Tuyên Quang	5.25	5.00	Đạt
67	Bế Thị Thức	21/07/1992	Tuyên Quang	7.75	8.50	Đạt
68	Nguyễn Thị Thùy	08/5/1986	Tuyên Quang	7.50	7.00	Đạt

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả
					TN	TL	
69	Nguyễn Văn	Thuyết	08/05/1971	Tuyên Quang	7.00	5.50	Đạt
70	Hoàng Văn	Tọa	24/11/1993	Tuyên Quang	8.50	5.50	Đạt
71	Nguyễn Thị	Trang	28/2/1990	Tuyên Quang	9.00	9.00	Đạt
72	Đỗ Minh	Tuyển	8/11/1982	Tuyên Quang	8.75	5.00	Đạt
73	Ma Thị	Tuyết	22/10/1992	Tuyên Quang	7.00	5.00	Đạt
74	Bùi Thị	Tuyết	18/09/1974	Tuyên Quang	8.25	5.50	Đạt
75	Ngô Thu	Uyên	26/12/1997	Tuyên Quang	9.50	9.00	Đạt
76	Châu Thị	Viết	25/11/1983	Tuyên Quang	9.50	6.50	Đạt
77	Nguyễn Thị	Vui	27/7/1993	Tuyên Quang	8.50	6.50	Đạt
78	Châu Thị	Xim	14/6/1992	Tuyên Quang	8.75	5.00	Đạt
79	Triệu Thị	Yên	08/11/1990	Tuyên Quang	6.00	5.50	Đạt
80	Nguyễn Thị	Yến	02/9/1989	Tuyên Quang	6.75	5.00	Đạt
81	Phạm Thị Ngọc	Ánh	17/4/1994	Tuyên Quang	5.50	5.50	Đạt
82	Đoàn Thị	Bảy	02/09/1972	Ninh Bình	6.00	5.00	Đạt
83	Nguyễn Thị	Bích	28/08/1993	Tuyên Quang	6.75	5.50	Đạt
84	Lăng Thị	Bình	20/01/1989	Lạng Sơn	8.25	5.50	Đạt
85	Vương Thị Lệ	Chi	17/11/1994	Tuyên Quang	6.75	7.50	Đạt
86	Phạm Thị	Chuyên	10/10/1973	Tuyên Quang	6.75	5.50	Đạt
87	Sín Thị	Diệp	29/11/1991	Hà Giang	7.25	5.00	Đạt
88	Nguyễn Thị	Đông	01/10/1994	Tuyên Quang	8.00	5.50	Đạt
89	Hứa Thị	Dung	23/12/1992	Tuyên Quang	8.00	5.50	Đạt
90	Trần Thị	Dương	17/10/1993	Tuyên Quang	7.00	5.50	Đạt
91	Nguyễn Thị Kiều	Giang	20/7/1993	Tuyên Quang	6.50	5.50	Đạt
92	Nông Thị Thanh	Hà	13/10/1988	Tuyên Quang	7.00	8.50	Đạt

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả
					TN	TL	
93	Nguyễn Thị Thu	Hằng	04/12/1993	Tuyên Quang	6.00	5.50	Đạt
94	Vũ Thị	Hạnh	17/04/1982	Tuyên Quang	5.00	5.50	Đạt
95	Nông Thu	Hiền	27/02/1991	Tuyên Quang	7.25	5.50	Đạt
96	Trần Thị Thu	Hiền	09/05/1992	Tuyên Quang	7.50	5.50	Đạt
97	Lê Thị Minh	Hiền	04/01/1976	Tuyên Quang	7.75	5.50	Đạt
98	Lệnh Thế	Hiệp	01/4/1984	Hà Giang	5.00	6.00	Đạt
99	Nguyễn Đăng	Hoàn	29/10/1994	Tuyên Quang	8.50	8.50	Đạt
100	Hà Thị	Hồng	17/07/1976	Tuyên Quang	5.75	5.50	Đạt
101	Đinh Thị	Huế	01/02/1976	Tuyên Quang	5.00	5.50	Đạt
102	Nguyễn Thị	Huệ	28/09/1993	Tuyên Quang	7.25	5.50	Đạt
103	Vương Thị	Hương	25/01/1994	Tuyên Quang	6.00	7.00	Đạt
104	Lèng Thị Thu	Hường	16/02/1976	Tuyên Quang	5.00	5.50	Đạt
105	Triệu Thị	Hương	19/09/1991	Tuyên Quang	6.25	5.50	Đạt
106	Lưu Thị	Huyền	30/12/1992	Tuyên Quang	6.00	5.50	Đạt
107	Trương Đăng	Khoa	13/08/1974	Tuyên Quang	5.50	5.50	Đạt
108	Lê Thị	Khuyên	06/01/1994	Tuyên Quang	6.50	7.00	Đạt
109	Nguyễn Văn	Lâm	24/04/1977	Tuyên Quang	6.50	5.50	Đạt
110	Đào Duy	Lâm	23/03/1980	Tuyên Quang	5.25	5.50	Đạt
111	Quân Thị Mai	Lan	19/12/1973	Tuyên Quang	7.75	5.50	Đạt
112	Nông Văn	Lần	07/05/1974	Tuyên Quang	5.75	5.50	Đạt
113	Hà Hồng	Lanh	19/5/1974	Tuyên Quang	5.00	7.00	Đạt
114	Nguyễn Thị	Lành	10/05/1990	Tuyên Quang	6.50	6.50	Đạt
115	Nguyễn Thị	Lê	13/03/1994	Tuyên Quang	6.00	8.50	Đạt
116	Vũ Thuý	Linh	26/05/1994	Tuyên Quang	6.75	8.50	Đạt

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả
					TN	TL	
117	Triệu Văn	Lợi	25/03/1975	Tuyên Quang	6.50	5.50	Đạt
118	Hứa Văn	Luân	21/7/1994	Tuyên Quang	7.50	7.00	Đạt
119	Hoàng Thị	Mai	22/06/1983	Tuyên Quang	6.75	5.50	Đạt
120	Hoàng Tiến	Mạnh	16/06/1971	Tuyên Quang	5.25	5.50	Đạt
121	Lương Thế	Mạnh	22/4/1971	Tuyên Quang	6.25	5.50	Đạt
122	Nguyễn Thị	Minh	03/08/1995	Yên Bái	7.75	5.50	Đạt
123	Đỗ Ngọc	Nga	09/11/1987	Tuyên Quang	6.75	5.50	Đạt
124	Vũ Văn	Ngà	14/11/1970	Tuyên Quang	0	0	Không đạt
125	Trần Thị Kim	Ngân	19/05/1973	Tuyên Quang	6.75	6.00	Đạt
126	Hoàng Thị	Nghĩa	24/04/1973	Tuyên Quang	6.00	6.00	Đạt
127	Đoàn Thị Ánh	Ngọc	29/11/1993	Ninh Bình	7.75	8.00	Đạt
128	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	04/10/1974	Tuyên Quang	6.25	5.50	Đạt
129	Trần Thị Tuyết	Nhung	05/10/1996	Tuyên Quang	7.50	6.00	Đạt
130	Bùi Thị Thanh	Nhung	2/12/1989	Tuyên Quang	6.00	5.00	Đạt
131	Ninh Thị	Phương	27/02/1974	Tuyên Quang	6.75	5.50	Đạt
132	Vũ Hồng	Phượng	04/07/1975	Tuyên Quang	7.75	5.50	Đạt
133	Hà Thị	Quan	18/08/1974	Tuyên Quang	0	0	Không đạt
134	Vũ Thị	Quế	28/11/1973	Tuyên Quang	5.75	5.00	Đạt
135	Nguyễn Duy	Quỳnh	18/10/1993	Tuyên Quang	5.00	5.00	Đạt
136	Hoàng Thị	Sen	15/04/1974	Tuyên Quang	5.00	5.50	Đạt
137	Nguyễn Thị	Son	17/11/1992	Hà Giang	6.25	5.00	Đạt
138	Hà Thanh	Tâm	12/9/1991	Tuyên Quang	5.75	5.00	Đạt
139	Đinh Thị	Thắm	21/11/1974	Tuyên Quang	5.75	5.00	Đạt
140	Nguyễn Thị	Thân	13/08/1976	Tuyên Quang	5.25	5.00	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả
				TN	TL	
141	Lê Thị Thanh	09/11/1975	Tuyên Quang	6.00	6.50	Đạt
142	Hà Thị Thành	27/11/1992	Tuyên Quang	6.75	6.00	Đạt
143	Kiều Xuân Thìn	03/02/1977	Tuyên Quang	5.00	5.50	Đạt
144	Dương Thị Thực	23/09/1974	Tuyên Quang	5.00	5.00	Đạt
145	Hà Thị Thực	24/01/1974	Yên Bái	6.00	5.50	Đạt
146	Chu Xuân Thủy	15/12/1977	Tuyên Quang	5.75	5.00	Đạt
147	Chúc Thị Thủy	22/12/1975	Tuyên Quang	6.75	5.00	Đạt
148	Hoàng Thị Tiến	18/9/1991	Tuyên Quang	7.50	5.50	Đạt
149	Nguyễn Thị Thu Trang	07/08/1996	Tuyên Quang	6.50	6.00	Đạt
150	Triệu Thị Minh Trang	01/12/1992	Tuyên Quang	6.50	6.00	Đạt
151	Nông Thị Trang	25/07/1975	Tuyên Quang	5.25	5.00	Đạt
152	Nguyễn Đức Tú	17/01/1989	Tuyên Quang	7.25	6.00	Đạt
153	Hà Đức Tùng	02/03/1974	Tuyên Quang	6.00	6.00	Đạt
154	Trần Thị Tuyết	26/06/1979	Tuyên Quang	7.50	5.50	Đạt
155	Hà Thị Vân	28/05/1994	Tuyên Quang	8.25	5.50	Đạt
156	Lương Quang Vinh	13/07/1995	Tuyên Quang	7.75	6.00	Đạt
157	Dương Thị Xuân	19/07/1991	Tuyên Quang	7.50	5.50	Đạt
158	Đinh Thị Xuân	23/8/1993	Cao Bằng	5.75	5.00	Đạt
159	Nông Thị Xuyến	22/12/1977	Tuyên Quang	5.50	6.00	Đạt
160	Hoàng Thị Yên	03/10/1990	Tuyên Quang	5.00	5.50	Đạt

(Ấn định danh sách có 160 học viên, trong đó: 158 học viên Đạt, 02 học viên Không đạt)